

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TRÀ VINH Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HSST

Ngày: 03 – 6 – 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn; Phó chủ tịch Cựu chiến binh thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

2. Ông Trịnh Thanh Phong; Cán bộ phòng giáo dục thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, số A, Phạm Ngũ L, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/HSST, ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Hoàng S, sinh ngày 23-3-2006; tên gọi khác: không; nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ A, ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Lê Thanh T, sinh năm 1980 và bà Huỳnh Thị Mộng T1, sinh năm 1982; sống như vợ chồng với Lâm Cát T2, con 01 người Lê Thanh Đ, sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: 01 lần về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 21/QĐ-XPHC ngày 07/7/2023 của Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long (đã đóng phạt ngày 11/8/2023). Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo:** Bà Huỳnh Thị Mộng T1, sinh năm 1982 là mẹ bị cáo (có mặt),

Địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng S theo chỉ định:*

1. Luật sư Nguyễn Công H - Luật sư Văn phòng luật sư Đặng Văn C – thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T3 – là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (có mặt)

- *Người bị hại:*

1. Bà Lê Thị Ngọc T4, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Phan Phú Q, sinh năm 2005 (vắng mặt),

Địa chỉ: Số A, khóm F, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh;

2. Bà Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Hẻm G, khóm B, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đoàn Thiện T5, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Bảo, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Anh Lâm Quang H1, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số I, Đ, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ, ngày 01/10/2023 bị cáo Lê Hoàng S có đến nhà của Phan Phú Q ở khóm F, phường F, thành phố T tại đây hai người có tổ chức uống rượu. Đến khoảng 21 giờ thì hết rượu, nên S rủ Q “*Đi kiểm tiền mua rượu bia uống tiếp*” (ý là rủ Q đi trộm cắp tài sản) thì được Q đồng ý. Khi đi, Q chuẩn bị đem theo 01 cây kiếm bằng kim loại, có cán bọc nhựa màu đen, rồi S điều khiển xe mô tô biển số 84H7 - 5521 chở Q đến khu vực chợ T7 để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày tại khu vực chợ T7 thuộc khóm B, phường C, thành phố T và S phát hiện cửa hàng bán nước giải khát của bà Lê Thị Ngọc T4 không có đóng cửa, bên trong có nhiều bàn ghế được xích lại với nhau vào trụ cột bằng sợi dây xích kim loại nhưng không có người trông coi. Bị cáo S liền dừng xe lại cùng với Q đi vào bên trong cửa hàng, S dùng kiếm cắt đứt sợi dây xích rồi lấy trộm 04 cái bàn bằng inox đem đến bán cho điểm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Thu L1 tại khóm B, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh được 400.000 đồng, rồi cả hai chia nhau mỗi người 200.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày bà Lê Thị Ngọc T4 đến cửa hàng để dọn đồ ra bán thì phát hiện bị mất 04 cái bàn, nên bà T4 có nhờ anh Lâm Quang H1 xem dùm camera ghi lại hình ảnh để biết ai là đối tượng lấy trộm tài sản. Sau khi xem Camera, anh H1 xác định Phan Phú Q là một trong hai đối tượng mà anh Q biết đã trộm cắp 04 cái bàn của bà T4 nên anh H1 đã điện thoại cho Phan Phú Q thì Q thừa nhận hành vi trộm cắp của mình và chỉ nơi bán 04 cái bàn. Sau đó, anh H1 kể lại sự

việc cho bà T4 biết và bà T4 đã đưa 400.000 đồng cho con trai là anh Đoàn Thiện T5 đến dựa thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị Thu L1 để chuộc lại 04 cái bàn. Đến sáng ngày 02/10/2023 bà Lê Thị Ngọc T4 đến Công an phường C1, thành phố T trình báo sự việc mất trộm trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 53/BKLDGTS, ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh kết luận: 04 cái bàn inox cao 0,8m, rộng 0,7m, dài 1,2m có giá 250.000 đồng/cái x 4 = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Lê Thị Ngọc T4, thì ngày 17/10/2023 và ngày 31/10/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với bị cáo Lê Hoàng S về tội Trộm cắp tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không đề nghị nhập vụ án để điều tra.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKS-HS, ngày 21/3/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố bị cáo Lê Hoàng S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với Lê Hoàng S và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Hoàng S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173 điểm h, i, s khoản 1 Điều 51.; Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoàng S từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: bị hại bà Lê Thị Ngọc T4 không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Công h và trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Hồng T3 bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng S thống nhất với bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Hoàng S về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên không thống nhất với bản luận tội của kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Bởi vì quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt không lớn và bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Mặt khác khi phạm tội bị cáo còn ở lứa tuổi vị thành niên có nơi cư trú rõ ràng, nhận thức pháp luật còn hạn chế, với các tình tiết nêu trên. Vì luật sư và trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Ngọc T4 có đơn vắng mặt, về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, quá trình tranh tụng bị cáo Lê Hoàng S thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố trà V đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo Lê Hoàng S đã nhận tội và biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bị cáo, người đại diện bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời trình bày bị cáo Lê Hoàng S tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 01/10/2023 bị cáo Lê Hoàng S cùng với Phan Phú Q đã có hành vi trộm cắp tài sản là 04 cái bàn inox của bà Lê Thị Ngọc T4 tại khu vực chợ T7 thuộc khóm B, phường C, thành phố T. Theo kết luận định giá tài sản, của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động Tố tụng hình sự thành phố T, kết luận 04 cái bàn inox có giá trị là 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Hoàng S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, với động cơ mục đích phạm tội là nhằm để có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu bản thân, bị cáo không chỉ xâm hại đến tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ mà còn làm cho nhân dân hoang mang lo sợ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quản lý trật tự xã hội ở địa phương. Do thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện, quan tâm giáo dục từ gia đình, mặc dù tuổi đời còn trẻ với bản chất lười lao động, mà muốn có tiền ăn chơi, nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính chưa được xóa án tích thì ngày 01/10/2023 bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản

của bà T4, mặc dù đã bị cơ quan Công an phát hiện làm việc trực tiếp với bị cáo. Tuy nhiên, đến ngày 17/10/2023 và ngày 31/10/2023 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Hoàng S về tội Trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần xử lý bị cáo bằng hình phạt nghiêm phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, bị cáo phạm tội nhưng tài sản gây thiệt hại không lớn, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội ở lứa tuổi vị thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, và bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm h,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy hiện nay bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện cho bị cáo hưởng án treo theo hướng dẫn Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ.

[4] Về vật chứng của vụ án: không.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bà Lê Thị Ngọc T4 đã chuộc lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vấn đề khác:

Đối với Phan Phú Q cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo Lê Hoàng S, qua xác minh được biết Q chưa có tiền án, tiền sự và giá trị tài sản trộm cắp chưa đủ cấu thành tội trộm cắp tài sản đối với Q. Đối với bà Nguyễn Thị Thu L1 khi mua 04 cái bàn mà bị cáo đem đến bán là do trộm cắp mà có nên không đặt ra yêu cầu xử lý là có căn cứ.

[7] Xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Hoàng S theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị là phù hợp một phần với tính chất và hành vi của bị cáo.

[8] Vị luật sư bào chữa cho bị cáo có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hoàng S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng S 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Thời gian thử thách của án treo tính từ ngày tuyên án 03-6-2024.

Giao bị cáo Lê Hoàng S1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“ Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo”.

- Về trách nhiệm dân sự: bà Lê Thị Ngọc T4 không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Hoàng S1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/6/2024. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Kim Triều

